

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 -26

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biên (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 01 ngày 9 tháng 6 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng), thay đổi lần 2 ngày 9 tháng 3 năm 2006 (vốn điều lệ 25,5 tỷ đồng), thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 12 Năm 2007, thay đổi lần 4 ngày 4 tháng 9 năm 2009, thay đổi lần 5 ngày 02 tháng 11 năm 2009 (vốn điều lệ 53,5 tỷ đồng) và đổi lần 6 ngày 14 tháng 12 năm 2009 (vốn điều lệ 99,2983 tỷ đồng).

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm các vị như sau:

**Hội đồng Quản trị**

Ông	Trần Tân Phúc	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Lộc	Phó chủ tịch
Ông	Dương Mạnh Trung	Ủy viên
Ông	Nguyễn Mạnh Úng	Ủy viên
Ông	Phạm Duy Đông	Ủy viên
Ông	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Ủy viên

**Ban Điều hành**

Ông	Trần Tân Phúc	Tổng giám đốc
Ông	Dương Mạnh Trung	Phó Tổng giám đốc
Ông	Nguyễn Mạnh Úng	Phó Tổng giám đốc
Ông	Lê Quang Khải	Phó Tổng giám đốc
Ông	Trương Ngọc Tường	Kỹ sư trưởng
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Giám đốc tài chính - nhân sự
Ông	Phạm Duy Đông	Giám đốc kỹ thuật
Ông	Phạm Anh Tuấn	Giám đốc dự án

**3. Trụ sở**

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh phía Bắc của Công ty được đặt tại Nhà số 21 Tập thể Bệnh viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

0044895  
ÔNG TY  
TINH KHÍ  
BDO  
VIỆT NAM  
P. HỒ CHÍ

4103002981  
ÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TƯ VẤN THIẾT KẾ  
KỸ THUẬT BIÊN  
TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

#### 4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau :

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật Biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy;
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải;
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy);
- Thiết kế các công trình thủy;
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, công, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản.

#### 5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 như sau:

	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	260.090.951.993
Lợi nhuận kế toán trước thuế	117.618.278.572
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.291.599.375
Lợi nhuận kế toán sau thuế	107.326.679.197

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết số dư tiền gửi tại các ngân hàng như sau:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
Đô la Mỹ	1.299,77 USD	22.673.298
Đồng Việt Nam	3.662.151.569 VND	3.662.151.569
		<u>3.684.824.867</u>
Số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		
Đô la Mỹ	779.000,00 USD	13.976.039.000
Đồng Việt Nam	80.020.000.000 VND	80.020.000.000
		<u>93.996.039.000</u>
Tổng cộng		<u>97.680.863.867</u>

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính định kèm.

#### 6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) nay là công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

### 8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kê toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

### 9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN TÂN PHÚC

CHỦ TỊCH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

3

Số: 00126.HCM/184.09

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009  
của Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Cảng -Kỹ Thuật Biển

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Cảng -Kỹ Thuật Biển bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành Công ty cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến kiểm toán

Tuy nhiên, ý kiến chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau :

- Nhu đã nêu tại các mục 5.6 và mục 5.16 của thuyết minh báo cáo tài chính, đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, trong Báo cáo tài chính của Công ty vừa có ghi nhận khoản nợ phải thu vừa có ghi nhận khoản nợ phải trả với Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải phía Nam (Tedi South) trên cơ sở tạm tính; số tạm tính đối với khoản phải thu là 7.056.110.180 VND và đối với khoản phải trả là 7.784.280.536 VND. Vì vậy, nếu có bất kỳ sự điều chỉnh nào đối với các khoản nợ này thì có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.
- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, trong điều kiện hoạt động bình thường, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Tuy nhiên, như đã nêu tại các mục 4.1, mục 4.7, mục 5.8 và mục 5.17 của thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2009, Công ty có thực hiện đánh giá lại làm tăng giá trị tài sản cố định vô hình - quyền sử dụng đất và được ghi nhận trong Báo cáo tài chính thêm khoảng 73,38 tỷ đồng, dựa theo chứng thư thẩm định giá số 02171209/KHDN ngày 26 tháng 12 năm 2009 do Công ty TNHH thẩm định giá Đất Việt phát hành được xác định theo giá trị thị trường. Ngoài ra, Công ty cũng chưa dự phòng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) đối với khoản chênh lệch tăng thêm do đánh giá lại tài sản này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính bởi các vấn đề nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Cảng -Kỹ Thuật Biển, đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**NGUYỄN THỊ THANH**  
Giám đốc kiểm toán  
Chứng chỉ KTV số 0185/KTV

**ĐẶNG THỊ MỸ VÂN**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

298  
GTT  
QH  
NET  
TR  
11



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	100		<b>170.108.004.912</b>	<b>124.495.635.390</b>
1. Tiền	110	5.1	<b>4.895.121.970</b>	<b>20.075.462.501</b>
2. Các khoản tương đương tiền	111		4.895.121.970	20.075.462.501
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	<b>93.996.039.000</b>	<b>27.214.298.330</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		93.996.039.000	27.214.298.330
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	<b>39.791.575.748</b>	<b>39.955.857.016</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.868.586.265	2.234.693.025
2. Trả trước cho người bán	132		5.623.777.387	2.492.475.147
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiền độ kế hoạch HDXD	134		11.760.000.000	-
5. Các khoản phải thu khác	135		19.539.212.096	35.228.688.844
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	<b>25.077.319.498</b>	<b>30.018.421.766</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.077.319.498	30.018.421.766
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.5	<b>6.347.948.696</b>	<b>7.231.595.777</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		721.717.127	477.603.731
2. Thuê GTGT được khâu trừ	152		1.187.699.600	288.694.548
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.438.531.969	6.465.297.498
<b>B. TÀI SAN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>175.363.304.295</b>	<b>62.007.713.582</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		<b>7.056.110.180</b>	<b>7.056.110.180</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.6	7.056.110.180	7.056.110.180
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		<b>135.597.503.586</b>	<b>48.227.085.741</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	<b>22.929.182.625</b>	<b>19.531.248.035</b>
- Nguyên giá	222		31.558.729.153	30.481.510.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.629.546.528)	(10.950.262.221)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	<b>87.185.194.667</b>	<b>13.661.382.889</b>
- Nguyên giá	228		88.781.533.428	14.728.200.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.596.338.761)	(1.066.817.914)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	<b>25.483.126.294</b>	<b>15.034.454.817</b>
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	<b>32.232.839.034</b>	<b>5.841.999.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.902.132.034	2.386.292.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.945.707.000	3.445.707.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.385.000.000	10.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		<b>476.851.495</b>	<b>882.518.661</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	476.851.495	882.518.661
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>345.471.309.207</b>	<b>186.503.348.972</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>124.633.786.642</b>	<b>116.208.211.772</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		<b>116.652.760.542</b>	<b>108.093.282.552</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.12	1.986.537.800	1.854.802.524
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	66.191.581.914	91.031.552.259
4. Thuê và các khoản phải trả nhà nước	314	5.13	22.479.681.008	8.028.322.131
5. Phải trả người lao động	315		1.160.425.552	1.203.182.900
6. Chi phí phải trả	316	5.14	3.108.525.445	294.441.809
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	21.726.008.823	5.680.980.929
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		<b>7.981.026.100</b>	<b>8.114.929.220</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	7.784.280.536	7.759.994.656
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		196.745.564	354.934.564
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHU SƠ HỮU</b>	<b>400</b>	5.17	<b>220.837.522.565</b>	<b>70.295.137.200</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		<b>202.871.445.164</b>	<b>61.045.496.407</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.298.300.000	51.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.625.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		73.377.039.634	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		641.629.549	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.160.000.000	3.160.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.010.000.000	2.010.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.759.475.981	4.875.496.407
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		<b>17.966.077.401</b>	<b>9.249.640.793</b>
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		17.966.077.401	9.249.640.793
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>345.471.309.207</b>	<b>186.503.348.972</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGÔ NGỌC THU NHAN

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH-NHÂN SỰ

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TÂN PHÚC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>260.090.951.993</b>	<b>85.479.199.463</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>260.090.951.993</b>	<b>85.479.199.463</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	125.909.170.492	57.194.850.471
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>134.181.781.501</b>	<b>28.284.348.992</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.352.613.681	3.374.114.696
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22 23	6.4	86.852.357 -	43.847.119 -
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	18.756.981.657	14.521.917.862
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>117.690.561.168</b>	<b>17.092.698.707</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	78.548.106	-
12. Chi phí khác	32	6.7	150.830.702	83.375.278
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(72.282.596)</b>	<b>(83.375.278)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>117.618.278.572</b>	<b>17.009.323.429</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	10.291.599.375	2.381.305.280
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>107.326.679.197</b>	<b>14.628.018.149</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH-NHÂN SỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH



TRẦN TÂN PHÚC

**BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I - LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	117.618.278.572	17.009.323.429
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khâu hao tài sản cố định	02	4.836.373.979	4.835.946.587
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(293.004.381)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.258.429.334)	(13.512.379.963)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	120.196.223.217	8.039.885.672
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	2.295.480.145	(15.704.354.762)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.941.102.268	(17.508.838.048)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(15.304.193.912)	22.528.959.108
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	161.553.770	(695.045.292)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(564.600.667)	(8.682.403.161)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(23.100.668.392)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>88.624.896.429</b>	<b>(12.021.796.483)</b>
<b>II - LUU CHUYỀN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.270.300.485)	(6.521.696.434)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.000.000	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(97.931.876.000)	(65.664.436.830)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.375.458.330	104.093.652.267
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.079.572.086)	(803.915.385)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.337.709.681	3.028.116.196
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(109.518.580.560)</b>	<b>34.131.719.814</b>
<b>III - LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	6.942.105.000	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.228.761.400)	(6.421.238.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>5.713.343.600</b>	<b>(6.421.238.600)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(15.180.340.531)</b>	<b>15.688.684.731</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>20.075.462.501</b>	<b>4.081.954.989</b>
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	304.822.781
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>4.895.121.970</b>	<b>20.075.462.501</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH-NHÂN SỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH



TRẦN TÂN PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (dưới đây được gọi tắt “Công ty”) là doanh nghiệp hoạt động độc lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 1 ngày 9 tháng 6 năm 2005 (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng), thay đổi lần 2 ngày 9 tháng 3 năm 2006 (vốn điều lệ 25,5 tỷ đồng), thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần 4 ngày 4 tháng 9 năm 2009, thay đổi lần 5 ngày 2 tháng 11 năm 2009 (vốn điều lệ 53,5 tỷ đồng) và đổi lần 6 ngày 14 tháng 12 năm 2009 (vốn điều lệ 99,2983 tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật Biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy;
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải;
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy);
- Thiết kế các công trình thủy;
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh phía Bắc của Công ty được đặt tại Nhà số 21 Tập thể Bệnh viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 229 người, trong đó số nhân viên quản lý là 10 người.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kê toán là đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

## BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Quy ước kế toán chung

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc và các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán của năm trước, trừ trường hợp được trình bày tại mục 4.7 dưới đây.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận như sau :

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
- Theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại được ghi nhận như sau :
  - a. Đối với các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm mà được trình bày trong khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.
  - b. Đối với các khoản phải thu dài hạn : các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
  - c. Đối với các khoản phải trả dài hạn : các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Trường hợp chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải trả này tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho các năm sau nhưng không quá 5 năm để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Trong năm tài chính trước, việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại trong Báo cáo tài chính được áp dụng theo VAS 10 ; nhưng trong năm tài chính này, Ban Điều hành Công ty đã áp dụng cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

#### 4.4 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị nguyên vật liệu được xác định theo giá thực tế đích danh của chi phí nguyên vật liệu đó.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**4.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

*Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá ban đầu của Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí phát sinh trực tiếp để có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng được cấp cho thời hạn không xác định, do đó không trích khấu hao.

Công ty có quyền sử dụng đất các diện tích đất tại các địa điểm sau :

<u>Diện tích</u>	<u>Địa điểm</u>
412,70m <sup>2</sup>	số 328 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
76.486,00 m <sup>2</sup>	thửa 65, bàn đồ số 52 xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
54,70m <sup>2</sup>	số 83 Trần Văn Kiểu, Phường 13, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Trong năm 2009, giá trị quyền sử dụng đất của các diện tích tại các địa điểm trên được đánh giá lại và ghi nhận trong Báo cáo tài chính theo giá trị được thẩm định bởi Công ty TNHH thẩm định giá Đất Việt, theo chứng thư thẩm định giá số 02171209/KHDN ngày 26 tháng 12 năm 2009.

*Phần mềm vi tính*

Phần mềm vi tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

**4.8 Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh**

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi có thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh.

Trong báo cáo tài chính này (báo cáo tài chính riêng của Công ty), các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và công ty liên doanh được trình bày theo phương pháp giá gốc.

**4.9 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIÊN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

#### 4.10 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo mệnh giá.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/(giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng/(giảm) so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### 4.11 Doanh thu

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận dựa trên phần công việc đã hoàn thành trong kỳ và được khách hàng xác nhận vào biên bản nghiệm thu. Công ty phát hành hóa đơn bán hàng căn cứ vào biên bản nghiệm thu từng phần trên cơ sở hợp đồng đã được ký kết.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

#### 4.12 Thuế

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng trong năm 2009 là 25% (năm 2008 là 28%).

Căn cứ QĐ số 3203/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2004, về việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần; và căn cứ điểm 2.a-điều 33 và điểm 2-điều 36 tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết về thi hành luật thuế TNDN, Công ty được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo (năm 2007, 2008 và 2009).

Các tờ khai thuế của Công ty vẫn còn tùy thuộc kết quả kiểm tra của các Cơ quan thuế. Do việc áp dụng các luật lệ, quy định về thuế đối với nhiều loại hình giao dịch còn tùy thuộc vào các hướng dẫn khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được điều chỉnh căn cứ kết quả quyết toán của Cơ quan thuế.

*Các loại thuế khác:* theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### 4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.010.297.103	249.712.692
Tiền gửi ngân hàng	3.684.824.867	19.825.749.809
Tiền đang chuyển	<u>200.000.000</u>	-
	<b><u>4.895.121.970</u></b>	<b><u>20.075.462.501</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm:

	Nguyên tệ VND	Tương đương VND
Đô la Mỹ	1.299,77	22.673.298
Đồng Việt Nam	<u>3.662.151.569</u>	<u>3.662.151.569</u>
	<b><u>3.684.824.867</u></b>	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, số dư tiền đang chuyển là khoản tiền thanh toán cho một công ty con đang chuyển từ ngân hàng HSBC sang ngân hàng ACB.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	<u>93.996.039.000</u>	<u>27.214.298.330</u>
	<b><u>93.996.039.000</u></b>	<b><u>27.214.298.330</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bao gồm:

	Nguyên tệ VND	Tương đương VND
Đô la Mỹ	779.000,00	13.976.039.000
Đồng Việt Nam	<u>80.020.000.000</u>	<u>80.020.000.000</u>
	<b><u>93.996.039.000</u></b>	

D:03  
CÓ  
RÁCH N  
E  
VIỆT  
TP.

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu khách hàng	2.868.586.265	2.234.693.025
Trả trước cho người bán	5.623.777.387	2.492.475.147
Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	11.760.000.000	-
Các khoản phải thu khác	<u>19.539.212.096</u>	<u>35.228.688.844</u>
	<b><u>39.791.575.748</u></b>	<b><u>39.955.857.016</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết các khoản phải thu khách hàng như sau:

	VND
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Hiệp Phước	517.920.250
Penta-Ocean Construction Co., Ltd.	489.650.400
Sở Giao thông Vận tải Vũng Tàu	263.929.000
Các khách hàng khác	<u>397.086.615</u>
	<b><u>2.868.586.265</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết các khoản trả trước người bán như sau:

	VND
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Toàn Tâm	1.176.741.840
Công ty TNHH TM&DV Xcom	1.796.127.630
Công ty TNHH TV Truyền Thông Toàn Cầu	978.289.500
Công ty TNHH XD TM DL Hồng Ngọc Hà	561.956.000
Công ty cổ phần đầu tư Phước Chánh	41.200.000
Công ty TNHH Công chính AC	2.000.000
Khác	<u>1.108.662.417</u>
	<b><u>5.623.777.387</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết các khoản phải thu khác như sau:

	VND
Quốc Hưng - Thúc Luân	2.875.332.002
Công ty TNHH Địa Kỹ thuật và Giao thông Anh Vũ	2.383.000.000
Công ty TNHH Công chính AC	900.000.000
Viện Cảng - Kỹ Thuật Hàng Hải	700.000.000
Ban Quản lý Dự án Hàng Hải III	600.000.000
Công ty TNHH TV Truyền Thông Toàn Cầu	114.286.000
Công ty TNHH TM&DV Xcom	90.000.001
Công ty cổ phần đầu tư Phước Chánh	10.000.000
Phải thu của cán bộ công nhân viên	<u>11.420.233.523</u>
Khác	<u>446.360.570</u>
	<b><u>19.539.212.096</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>25.077.319.498</u>	<u>30.018.421.766</u>
	<b><u>25.077.319.498</u></b>	<b><u>30.018.421.766</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	VND
Công trình Vũng Áng Sơn Dương	4.590.476.141
Công trình Cảng trung chuyển Quốc tế Văn Phong	4.501.999.915
Công trình Cảng Thép Liên hợp Posco Việt Nam	1.722.402.297
Công trình Cụm kho Cảng Container - Đinh Vũ	1.453.232.104
Công trình Cảng Quốc tế Sao biển	1.178.748.674
Công trình Vũng Áng Văn Phong (A & B) - Posco	1.169.815.248
Khác	<u>10.460.645.119</u>
	<b><u>25.077.319.498</u></b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	721.717.127	477.603.731
Thuế GTGT được khấu trừ	1.187.699.600	288.694.548
Tài sản ngắn hạn khác	<u>4.438.531.969 (*)</u>	<u>6.465.297.498</u>
	<b><u>6.347.948.696</u></b>	<b><u>7.231.595.777</u></b>

(\*) : Đây là chi phí tạm ứng cho cán bộ công nhân viên thực hiện hợp đồng.

**5.6 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông	7.056.110.180	7.056.110.180
Vận tải Phía Nam	<u>7.056.110.180</u>	<u>7.056.110.180</u>
	<b><u>7.056.110.180</u></b>	<b><u>7.056.110.180</u></b>

Theo "Hồ sơ xác nhận giá trị sản lượng đã thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 của các hợp đồng kinh tế từ ngày 31 tháng 12 năm 2004 trở về trước" được ký giữa Công ty và Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Phía Nam (Tedi South), đây là số chênh lệch giữa giá trị thực hiện hoàn thành của Công ty và tổng giá trị đã được Tedi South tạm ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2004.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	18.891.683.147	11.589.827.109	30.481.510.256
Mua sắm	10.847.432.058	6.018.625.221	16.866.057.279
Giảm do thanh lý	(217.685.804)	(389.898.018)	(607.583.822)
Giảm do chuyển góp vốn	(14.736.983.203)	(444.271.357)	(15.181.254.560)
Số dư cuối năm	14.784.446.198	16.774.282.955	31.558.729.153
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	8.597.891.687	2.352.370.534	10.950.262.221
Khäu hao	1.970.323.680	2.122.250.714	4.092.574.394
Giảm do thanh lý	(93.768.907)	(384.534.568)	(478.303.475)
Giảm do chuyển góp vốn	(5.721.681.941)	(213.304.671)	(5.934.986.612)
Số dư cuối năm	4.752.764.519	3.876.782.009	8.629.546.528
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	10.293.791.460	9.237.456.575	19.531.248.035
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.031.681.679</b>	<b>12.897.500.946</b>	<b>22.929.182.625</b>

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.629.102.100	4.099.098.703	14.728.200.803
Mua sắm trong năm	-	955.571.729	955.571.729
Tăng khác	73.377.039.634	-	73.377.039.634
Giảm do chuyển góp vốn	-	(279.278.738)	(279.278.738)
Số dư cuối năm	84.006.141.734	4.775.391.694	88.781.533.428
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	1.066.817.914	1.066.817.914
Khäu hao trong năm	-	743.799.585	743.799.585
Giảm do chuyển góp vốn	-	(214.278.738)	(214.278.738)
Số dư cuối năm	-	1.596.338.761	1.596.338.761
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	10.629.102.100	3.032.280.789	13.661.382.889
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>84.006.141.734</b>	<b>3.179.052.933</b>	<b>87.185.194.667</b>

Trong năm 2009, nguyên giá quyền sử dụng đất tăng 73.377.039.634 VND do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất như được trình bày tại mục 4.7 của Thuyết minh báo cáo tài chính.

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công trình xây dựng cơ bản Căn nhà Số 328 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	25.483.126.294	15.034.454.817
	<b>25.483.126.294</b>	<b>15.034.454.817</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIÊN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.10 Đầu tư dài hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty con	12.902.132.034	2.386.292.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	16.945.707.000	3.445.707.000
Đầu tư dài hạn khác	2.385.000.000	10.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
	<b>32.232.839.034</b>	<b>5.841.999.000</b>

**Các khoản đầu tư vào công ty con**

	Tỷ lệ nắm giữ (%)		Giá trị khoản đầu tư (VND)	
	Cuối năm	Đầu năm	31/12/2009	01/01/2009
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phước Chánh	70%	70%	888.292.000	548.292.000
Công ty TNHH Địa kỹ thuật & Giao thông Anh Vũ	85%	51%	7.850.000.000	408.000.000
Công ty TNHH Thương mại & DV Tin học X.C.O.M	70%	70%	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Truyền thông Toàn Cầu	51%	51%	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Công chính AC	70%	-	350.000.000	-
Công ty TNHH Địa Hải	70%	-	2.383.840.034	-
			<b>12.902.132.034</b>	<b>2.386.292.000</b>

**Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tỷ lệ nắm giữ (%)		Giá trị khoản đầu tư (VND)	
	Cuối năm	Đầu năm	31/12/2009	01/01/2009
Công ty tư vấn XD Cảng – Đường Thùy	21%	21%	3.445.707.000	3.445.707.000
Công ty TNHH đầu tư Nhân Phúc Đức	30%	-	13.500.000.000	-
			<b>16.945.707.000</b>	<b>3.445.707.000</b>

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá	Giá trị khoản đầu tư (VND)	
			31/12/2009	01/01/2009
Công ty CP tiếp nhận và phân phối cảng Cái Mép Thị Vải			25.000.000	10.000.000
Công ty đầu tư y tế Sài Gòn Y Khoa	236.000 cổ phiếu	10.000 VND	2.360.000.000	-
			<b>2.385.000.000</b>	<b>10.000.000</b>

**Cam kết góp vốn**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số tiền cam kết còn phải góp là khoảng 31,88 tỷ đồng, trong đó còn phải góp vào Công ty TNHH đầu tư Nhân Phúc Đức là 31,50 tỷ đồng.

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	408.638.200	750.457.935
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	<u>68.213.295</u>	<u>132.060.726</u>
	<b><u>476.851.495</u></b>	<b><u>882.518.661</u></b>

**5.12 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải trả người bán	1.986.537.800	1.854.802.524
Người mua trả trước	<u>66.191.581.914</u>	<u>91.031.552.259</u>
	<b><u>68.178.119.714</u></b>	<b><u>92.886.354.783</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết các khoản phải trả người bán như sau :

	VND
Công ty CP TVXDCT Hàng Hải	1.074.636.000
DNTN TMDV Huỳnh Ngô	233.446.156
DHI Water - Enviroment - Health (DHI)	121.554.755
Công ty TNHH Địa Kỹ thuật và Giao thông Anh Vũ	102.971.000
Công ty TNHH TM&DV XCOM	110.898.257
Công ty TNHH Công chính AC	50.000.000
Khác	<u>293.031.632</u>
	<b><u>1.986.537.800</u></b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, chi tiết các khoản người mua trả trước như sau :

	VND
BQL DA - N/M lọc dầu Dung Quất	16.800.000.000
Posco	14.029.784.000
Ban Quản lý Dự án Hàng Hải III	6.030.964.931
Ban Quản lý DA Nhiệt điện 3-EVN	4.051.609.480
Tổng Công ty Hàng Hải việt Nam	3.520.000.000
Công ty CP Cảng Quốc tế Sao Biển	5.272.452.100
Cty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển Gemadep	2.314.947.576
Khác	<u>14.171.823.827</u>
	<b><u>66.191.581.914</u></b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.990.919.975	881.238.484
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.120.472.977	643.819.645
Thuế thu nhập cá nhân	<u>1.354.690.032</u>	<u>6.489.665.977</u>
Các loại thuế khác	<u>13.598.024</u>	<u>13.598.025</u>
	<b><u>22.479.681.008</u></b>	<b><u>8.028.322.131</u></b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty TNHH Địa Kỹ thuật và Giao thông		
Anh Vũ	2.814.083.636	-
Chi phí phải trả thầu phụ khác	294.441.809	294.441.809
	<b>3.108.525.445</b>	<b>294.441.809</b>

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Bảo hiểm xã hội	609.738.323	1.100.113.814
Bảo hiểm y tế	102.751.740	188.746.272
Bảo hiểm thất nghiệp	68.172.760	-
Các khoản phải trả khác	20.945.346.000	4.392.120.843
	<b>21.726.008.823</b>	<b>5.680.980.929</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, trong các khoản phải trả khác bao gồm 14.894.745.000VND là cỗ tức phải trả cho các cỗ đồng.

**5.16 Phải trả dài hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải trả Tedi South	7.784.280.536	7.759.994.656
<b>Cộng</b>	<b>7.784.280.536</b>	<b>7.759.994.656</b>

Đây là các khoản nợ phải trả với Tedi South phát sinh chủ yếu từ trước năm 2004; được ghi nhận dựa trên cơ sở tạm tính.

**5.17 Vốn chủ sở hữu****Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 được thay đổi lần 06 ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, vốn điều lệ của Công ty là 99.2983 tỷ đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ, trong đó :

Đại diện vốn cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền VND
Ông Trần Tân Phúc	228.108	22.810.800.000
Ông Đỗ Nguyên Chi	72.892	7.289.200.000
Ông Dương Mạnh Trung	72.866	7.286.600.000
Các cổ đông khác trong Công ty	521.186	52.118.600.000
Các cổ đông khác ngoài Công ty	97.931	9.793.100.000
	<b>992.983</b>	<b>99.298.300.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu là 100.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BẢNG THUỶ TẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ khen thưởng phục lợi VND	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2008)	51.000.000.000	-	-	-	2.310.000.000	1.510.000.000	4.811.832.363	5.351.117.270	64.982.949.633
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.628.018.149	-	14.628.018.149
Trích lập quỹ	-	-	-	-	850.000.000	500.000.000	(6.850.000.000)	5.500.000.000	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.650.000.000)	-	(7.650.000.000)
Giá trị khác	-	-	-	-	-	-	(64.354.105)	-	(64.354.105)
Chi thường	-	-	-	-	-	-	-	(1.601.476.477)	(1.601.476.477)
<b>Số dư cuối năm trước (31/12/2008)</b>	<b>51.000.000.000</b>	-	-	-	<b>3.160.000.000</b>	<b>2.010.000.000</b>	<b>4.875.496.407</b>	<b>9.249.640.793</b>	<b>70.295.137.200</b>
Số dư đầu năm nay (01/01/2009)	51.000.000.000	-	-	-	3.160.000.000	2.010.000.000	4.875.496.407	9.249.640.793	70.295.137.200
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	107.326.679.197	-	107.326.679.197
Thuế TNĐN Q.4/2008 được giảm 30%	-	-	-	-	-	-	250.345.377	-	250.345.377
Trích lập quỹ	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	(41.000.000.000)	35.000.000.000	(14.894.745.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(14.894.745.000)	-	(14.894.745.000)
Tăng vốn từ lợi nhuận	45.798.300.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành thêm cổ phiếu	1.714.100.000	5.228.005.000	-	-	-	-	-	-	-
Chi khen thưởng bằng cổ phiếu	785.900.000	2.396.995.000	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại TSCĐ vô hình	-	-	73.377.039.634	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cố gốc ngoại tệ	-	-	-	641.629.549	-	-	-	-	-
Chi thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay (31/12/2009)</b>	<b>99.298.300.000</b>	<b>7.625.000.000</b>	<b>73.377.039.634</b>	<b>641.629.549</b>	<b>6.160.000.000</b>	<b>5.010.000.000</b>	<b>10.759.475.981</b>	<b>(23.100.668.392)</b>	<b>(23.100.668.392)</b>
								<b>17.966.077.401</b>	<b>220.837.522.565</b>

Trong năm 2009, khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tăng là 73.377.039.634 VND do đánh giá lại giá trị tài sản cố định -Quyền sử dụng đất, như đã được trình bày tại mục 4.7 và mục 5.8 trên đây.

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIÊN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.17 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	51.000.000.000	51.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	48.298.300.000	-
Vốn góp cuối năm	99.298.300.000	51.000.000.000
Chia cổ tức trong năm	<u>14.894.745.000</u>	<u>7.650.000.000</u>

*Cổ phiếu*

	Năm 2009	Năm 2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	992.983	535.000
- Cổ phiếu phổ thông	535.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	457.983	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong năm	482.983	-
- Cổ phiếu phổ thông	25.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	457.983	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	992.983	510.000
- Cổ phiếu phổ thông	535.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	457.983	
Mệnh giá cổ phiếu	<u>100.000 VND</u>	<u>100.000VND</u>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	260.090.951.993	85.479.199.463
Trừ : Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>260.090.951.993</u></b>	<b><u>85.479.199.463</u></b>

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	<u>125.909.170.492</u>	<u>57.194.850.471</u>
	<b><u>125.909.170.492</u></b>	<b><u>57.194.850.471</u></b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.337.709.681	2.819.639.596
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.904.000	336.851.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	217.623.600
	<b>2.352.613.681</b>	<b>3.374.114.696</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.852.357	32.028.719
Chi phí tài chính khác	-	11.818.400
	<b>86.852.357</b>	<b>43.847.119</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	11.490.389.785	7.579.704.057
Chi phí vật liệu văn phòng	244.652.574	205.956.418
Thuế phí và lệ phí	3.166.775.410	1.960.142.801
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.088.829.550	476.219.387
Chi phí bằng tiền khác	2.766.334.338	4.299.895.199
	<b>18.756.981.657</b>	<b>14.521.917.862</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thanh lý tài sản cố định	50.000.000	-
Khác	28.548.106	-
	<b>78.548.106</b>	<b>-</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	136.862.165	83.375.278
Chi phí khác	13.968.537	-
	<b>150.830.702</b>	<b>83.375.278</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIỂN  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	117.618.278.572	17.009.323.429
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	117.618.278.572	17.009.323.429
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%x50%	28%x50%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>14.702.284.822</b>	<b>2.381.305.280</b>
Thuế TNDN được giảm 30% theo thông tư số 03/2008/TT-BTC	(4.410.685.447)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.291.599.375</b>	<b>2.381.305.280</b>

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định tại Thông tư số 03/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2009, do Công ty có số lao động sử dụng bình quân trong năm 2009 không quá 300 người .

## 7. THÔNG TIN KHÁC

### Các bên có liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Cty CP tư vấn đầu tư Phước Chánh	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Địa kỹ thuật và G.thông Anh Vũ	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH TM&DV tin học Xcom	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Địa Hải	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Công chính AC	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Tư vấn truyền thông toàn cầu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty Cty CP tư vấn XD Cảng Đường Thùy	Hà Nội	Công ty liên kết
Cty TNHH Đầu tư Nhân Phúc Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết

Trong năm tài chính các nghiệp vụ chủ yếu của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (VND)
Cty CP tư vấn đầu tư Phước Chánh	Cho vay vốn kinh doanh	10.000.000
	Chi góp vốn (bằng tiền)	340.000.000
	Trả trước người bán	118.108.500
	Mua hàng hóa, dịch vụ	68.780.504
Cty TNHH Địa Hải	Chi góp vốn (bằng tiền)	291.095.429
	Chi góp vốn (bằng tài sản)	2.092.744.605
	Trả trước người bán	4.947.827.850
	Mua hàng hóa, dịch vụ	4.498.025.319

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÀNG - KỸ THUẬT BIÊN

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trong năm tài chính các nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (VND)
Cty TNHH Địa kỹ thuật và GT Anh Vũ	Cho vay vốn kinh doanh	2.383.000.000
	Chi góp vốn (bằng tiền)	34.659.385
	Chi góp vốn (bằng tài sản)	7.407.340.615
	Trả trước người bán	15.543.168.683
	Mua hàng hóa, dịch vụ	13.041.026.981
	Chi phí phải trả chưa tính thuế	2.814.083.636
Cty TNHH TM&DV tin học Xcom	Cho vay vốn kinh doanh	1.784.908.944
	Trả trước người bán	12.644.106.416
	Mua hàng hóa, dịch vụ	11.661.292.070
Cty TNHH Công chính AC	Cho vay vốn kinh doanh	900.000.000
	Chi góp vốn (bằng tiền)	350.000.000
	Trả trước người bán	539.386.700
	Mua hàng hóa, dịch vụ	545.484.547
Cty TNHH Tư vấn TT Toàn cầu	Cho vay vốn kinh doanh	1.756.000
	Trả trước người bán	1.313.426.500
	Mua hàng hóa, dịch vụ	304.670.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Phải thu /(Phải trả) VND
<b>Phải thu</b>		
Cty CP tư vấn đầu tư Phước Chánh	Cho vay vốn kinh doanh	10.000.000
	Trả trước người bán	41.200.000
Cty TNHH Địa kỹ thuật và GT Anh Vũ	Cho vay vốn kinh doanh	2.383.000.000
Cty TNHH TM&DV tin học Xcom	Cho vay vốn kinh doanh	90.000.001
	Trả trước người bán	1.796.127.630
Cty TNHH Công chính AC	Cho vay vốn kinh doanh	900.000.000
Cty TNHH Tư vấn TT Toàn cầu	Cho vay vốn kinh doanh	114.286.000
	Trả trước người bán	978.289.500
<b>Phải trả</b>		
Cty TNHH Địa kỹ thuật và GT Anh Vũ	Mua hàng hóa, dịch vụ	(2.917.054.636)
Cty TNHH TM&DV tin học Xcom	Mua hàng hóa, dịch vụ	(110.898.257)
Cty TNHH Công chính AC	Mua hàng hóa, dịch vụ	(48.000.000)

Ngày 26 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc tài chính- nhân sự

Tổng Giám đốc

NGÔ NGỌC THU NHAN

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH



TRẦN TÂN PHÚC